

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/DS - ST

Ngày: 17 - 10 - 2019.

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh.

Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST - DS, ngày 18/3/2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST - DS, ngày 30/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1969.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm 1989 (xin vắng mặt); địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2019.

Bị đơn: Ông Lê Dũng A, sinh năm 1960 và bà Lê Thị P, sinh năm 1962 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2019 của ông Trương Văn M và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn M là anh Phan Văn D trình bày: Từ năm 2015 đến năm 2017, ông Trương Văn M có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Lê Dũng A và bà Lê Thị P, hai bên thỏa thuận khoảng 04 đến 05 tháng thanh toán tiền một lần. Đến tháng 02/2017 hai bên kết

thúc việc mua bán và tổng kết nợ thì ông Dũng A và bà P còn nợ ông M số tiền 133.288.000 đồng đến nay chưa trả. Nay ông M yêu cầu ông Dũng A và bà P phải liên đới hoàn trả số tiền 133.288.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị P trình bày: Bà thống nhất bà và ông Dũng A có mua thức ăn chăn nuôi của ông Trương Văn M và hiện nay còn nợ ông M số tiền 133.288.000 đồng. Bà và ông Dũng A đồng ý liên đới hoàn trả số tiền nêu trên cho ông M.

Bị đơn ông Lê Dũng A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn D có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Dũng A và bà Lê Thị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[2] Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, ông Trương Văn M có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Lê Dũng A và bà Lê Thị P, đến tháng 02/2017 khi hai bên kết thúc việc mua bán thì ông Dũng A và bà P còn nợ ông M số tiền 133.288.000 đồng chưa thanh toán nên ông M khởi kiện yêu cầu ông Dũng A và bà P phải liên đới trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà P thừa nhận bà và ông Dũng A còn nợ ông M số tiền 133.288.000 đồng và đồng ý cùng ông Dũng A liên đới trả nợ, ông Dũng A không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào biên bản tổng kết nợ ngày 19/3/2018 thì ông Dũng A có ký xác nhận còn nợ ông M số tiền 133.288.000 đồng. Do đó có căn cứ để xác định bà P và ông Dũng A có nợ ông M số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 133.288.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Dũng A và bà P chưa thanh toán số tiền còn nợ là vi phạm thỏa thuận khi hai bên thiết lập hợp đồng mua bán, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông M, căn cứ vào Điều 440 Bộ luật dân sự buộc ông Dũng A và bà P phải liên đới hoàn trả số tiền 133.288.000 đồng cho ông M là phù hợp.

[3] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Lê Dũng A và bà Lê Thị P phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền phải hoàn trả cho ông Trương Văn M là $133.288.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.664.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 440, 288, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Dũng A, bà Lê Thị P có nghĩa vụ phải liên đới hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền 133.288.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc ông Lê Dũng A và bà Lê Thị P phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.664.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.332.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện

